

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ VIỆT HÀ  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**SAO Y BẢN CHÍNH**

Ngày 17 tháng 12 năm 2019



*Mai Xuân Sơn*  
TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Mai Xuân Sơn*

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 33

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo hợp nhất này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Vương Đỗ Hải	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	miễn nhiệm ngày 26/06/2019
Ông Phạm Kim Sơn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	bỏ nhiệm ngày 26/06/2019
Ông Mai Xuân Sơn	Thành viên Hội đồng Quản trị	
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên Hội đồng Quản trị	
Bà Nguyễn Hồng Loan	Thành viên Hội đồng Quản trị	
Bà Nguyễn Thị Linh	Thành viên Hội đồng Quản trị	

##### Ban Tổng Giám đốc

Ông Mai Xuân Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Kim Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

##### Người đại diện theo pháp luật

Ông Vương Đỗ Hải	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	miễn nhiệm ngày 26/06/2019
Ông Phạm Kim Sơn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	đăng ký ngày 08/07/2019
Ông Mai Xuân Sơn	Tổng Giám đốc	

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:


- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác. Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2019 đến 30/06/2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam (trình bày Chế độ Kế toán Công ty áp dụng) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, 



Mai Xuân Sơn  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 6 tháng 9 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>518,457,563,063</b>	<b>550,614,033,804</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>82,154,870,937</b>	<b>69,992,032,641</b>
1. Tiền	111		25,954,007,057	39,073,673,555
2. Các khoản tương đương tiền	112		56,200,863,880	30,918,359,086
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6a</b>	<b>312,000,000,000</b>	<b>337,400,000,000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		312,000,000,000	337,400,000,000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>72,910,233,015</b>	<b>78,928,487,497</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7a	25,184,295,580	42,612,939,192
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8a	6,788,354,532	2,253,827,291
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		759,544,693	759,203,551
4. Phải thu theo tiến độ HĐXD	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	18,510,263,115	10,341,206,194
6. Các khoản phải thu khác	136	10a	35,658,943,570	36,952,479,744
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	137	11	(14,011,618,356)	(14,011,618,356)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		20,449,881	20,449,881
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>12</b>	<b>37,357,202,076</b>	<b>48,304,794,782</b>
1. Hàng tồn kho	141		43,103,068,036	54,050,660,742
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(5,745,865,960)	(5,745,865,960)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>14,035,257,035</b>	<b>15,988,718,884</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16a	789,277,358	1,034,580,865
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2,253,607,627	4,171,342,589
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20b	10,992,372,050	10,782,795,430
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>585,978,067,031</b>	<b>578,777,543,197</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>17,758,741,413</b>	<b>17,684,889,483</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	8b	1,326,861,998	1,326,861,998
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
5. Phải thu dài hạn khác	216	10b	16,431,879,415	16,358,027,485
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>198,791,072,007</b>	<b>211,193,051,807</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13a	198,401,582,319	210,936,643,888
- Nguyên giá	222		471,805,040,472	471,782,861,007
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(273,403,458,153)	(260,846,217,119)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
3. Tài sản cố định vô hình	227	13b	389,489,688	256,407,919
- Nguyên giá	228		8,611,916,182	8,402,780,182
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(8,222,426,494)	(8,146,372,263)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>14</b>	<b>12,092,391,296</b>	<b>12,228,260,864</b>
- Nguyên giá	231		12,500,000,000	12,500,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(407,608,704)	(271,739,136)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>15</b>	<b>79,116,184,274</b>	<b>59,394,977,929</b>
1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		16,162,435,375	15,282,020,390
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		62,953,748,899	44,112,957,539
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6b</b>	<b>215,363,870,952</b>	<b>211,956,635,235</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		128,220,883,192	124,813,647,475
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		87,180,795,360	87,180,795,360
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(37,807,600)	(37,807,600)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>62,855,807,089</b>	<b>66,319,727,879</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16b	55,589,231,015	58,296,423,226
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			15,993,474
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		625,107,249	627,901,373
4. Lợi thế thương mại	269	17	6,641,468,825	7,379,409,806
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1,104,435,630,094</b>	<b>1,129,391,577,001</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>298,156,564,959</b>	<b>323,755,632,233</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>232,694,435,383</b>	<b>256,099,363,810</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	19a	51,407,754,169	80,329,834,367
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1,781,797,873	1,375,127,801
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20a	75,732,912,052	76,151,232,008
4. Phải trả người lao động	314		4,189,115,337	14,259,939,076
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21a	7,321,998,023	6,698,685,146
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	22a	8,690,623,277	8,612,980,534
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	24a	29,855,127,354	23,917,502,997
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18a	46,804,486,525	36,415,107,808
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1,510,000,000	1,510,000,000
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5,400,620,773	6,828,954,073
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>65,462,129,576</b>	<b>67,656,268,423</b>
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	21b	10,644,315,712	12,717,672,735
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	23b	9,174,611,520	9,174,611,520
3. Phải trả dài hạn khác	337	24b	37,597,999,752	37,608,187,752
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18b	1,088,625,350	1,088,625,350
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		6,956,577,242	7,067,171,066
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>806,279,065,135</b>	<b>805,635,944,768</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>25</b>	<b>806,279,065,135</b>	<b>805,635,944,768</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		769,000,000,000	769,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		659,046	659,046
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		854,394,231	854,394,231
5. Lợi nhuận chưa phân phối	421		(47,458,055,387)	(53,382,832,286)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421A		(53,665,046,082)	18,178,058,562
- LNST chưa phân phối kỳ này	421B		6,206,990,695	(71,560,890,848)
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		83,882,067,245	89,163,723,777
<b>II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>			
	<b>440</b>		<b>1,104,435,630,094</b>	<b>1,129,391,577,001</b>

**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**

Số chi tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc ( )



Mai Xuân Sơn

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 6 tháng 9 năm 2019

Lê Văn Đạt

Kế toán trưởng

Trần Hòa Bình

Người lập biểu

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	309,308,509,180	315,598,319,869
2. Các khoản giảm trừ	02	27	17,761,737,482	19,533,516,068
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	28	291,546,771,698	296,064,803,801
4. Giá vốn hàng bán	11	29	268,327,120,332	272,603,869,968
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		23,219,651,366	23,460,933,833
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	24,789,343,789	31,567,539,693
7. Chi phí tài chính	22	31	(1,276,680,415)	9,275,274,439
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1,235,286,743	1,377,979,350
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		5,900,402,159	3,238,712,946
9. Chi phí bán hàng	25	32a	19,110,662,970	19,264,543,822
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32b	24,150,982,832	24,332,647,632
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11,924,431,927	5,394,720,579
12. Thu nhập khác	31	33	318,739,451	36,721,333
13. Chi phí khác	32	34	5,215,977,618	1,428,689,531
14. Lợi nhuận khác	40		(4,897,238,167)	(1,391,968,198)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7,027,193,760	4,002,752,381
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	540,836,554	441,581,253
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		387,902,524	
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		6,098,454,682	3,561,171,128
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		7,956,990,695	4,816,410,752
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(1,858,536,013)	(1,255,239,624)



Mai Xuân Sơn

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 6 tháng 9 năm 2019

Lê Văn Đạt

Kế toán trưởng

Trần Hòa Bình

Người lập biểu



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		341,051,468,421	324,585,347,619
2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(296,374,746,313)	(278,284,371,872)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(42,125,270,789)	(46,223,166,406)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(1,271,524,263)	(1,273,547,360)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(2,956,730,527)	(4,930,124,860)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		17,617,069,931	19,882,494,885
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(31,257,890,972)	(47,105,732,203)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(15,317,624,512)</b>	<b>(33,349,100,197)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(17,483,772,224)	(173,199,620)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		2,600,000	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(201,000,000,000)	(230,400,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		227,400,000,000	199,871,587,410
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8,888,416,315	24,966,887,716
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>17,807,244,091</b>	<b>(5,734,724,494)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		43,304,486,525	45,448,311,109
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(32,915,107,808)	(31,598,165,345)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			(2,080,500,000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(716,160,000)	(3,791,807,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>9,673,218,717</b>	<b>7,977,838,764</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>12,162,838,296</b>	<b>(31,105,985,927)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		69,992,032,641	83,504,393,697
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		82,154,870,937	52,398,407,770



Mai Xuân Sơn

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 6 tháng 9 năm 2019

Lê Văn Đạt

Kế toán trưởng

Trần Hòa Bình

Người lập biểu

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Việt Hà, doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 495/QĐ-UB ngày 26/01/1993 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội, Quyết định số 220/QĐ-UB ngày 13/12/2005 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về việc chuyển Công ty Sản xuất Kinh doanh Đầu tư và Dịch vụ Việt Hà hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con và Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 13/07/2010 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về việc chuyển Công ty Sản xuất Kinh doanh Đầu tư và Dịch vụ Việt Hà thành Công ty TNHH Một thành viên. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100103721 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 17/11/2010 và các Giấy chứng nhận thay đổi. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 08/07/2019, vốn điều lệ của Công ty là 769.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 254 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội.

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

##### Ngành nghề kinh doanh:

- Đại lý, môi giới, đấu giá: Đại lý buôn lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong cửa hàng chuyên doanh; Đại lý bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Bán buôn tổng hợp: Kinh doanh thiết bị trường học;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn dược phẩm; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng (trừ răng giả);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng bệnh viện;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng: Trang trí nội thất;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Khách sạn;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Lập dự án đầu tư xây dựng công trình (không bao gồm lập dự toán, tổng dự toán, và chi phí đầu tư xây dựng công trình);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh: Sản xuất mỹ phẩm;
- Điều hành tua du lịch: Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế;
- Sản xuất bao bì bằng gỗ;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất chế biến thực phẩm; Sản xuất đồ uống;
- Bán buôn đồ uống: Bán buôn đồ uống có cồn; Bán buôn đồ uống không có cồn;
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic: Sản xuất bao bì từ plastic;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ lương thực thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ: Bán lẻ đồ uống lưu thông tại chợ;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.

##### Hoạt động chính:

- Bán buôn đồ uống: Bán buôn đồ uống có cồn; Bán buôn đồ uống không có cồn;
- Bán lẻ lương thực thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ: Bán lẻ đồ uống lưu thông tại chợ;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.

#### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến BCTC hợp nhất

Không có hoạt động đặc biệt nào của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

##### *Danh sách các đơn vị phụ thuộc của Công ty:*

Công ty có đơn vị phụ thuộc: Nhà máy nước tinh khiết Opal; Địa chỉ: Số 300 Trường Chinh, phường Vị Xuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nước tinh khiết.

##### *Danh sách các Công ty con:*

1. Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội;
2. Công ty Cổ phần Tràng An;
3. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà;
4. Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế.

##### *Danh sách các Công ty liên kết:*

1. Công ty Cổ phần Giấy Ngọc Hà;
2. Công ty Cổ phần Đồng Tháp;
3. Công ty Cổ phần Bìa và Nước giải khát Việt Hà;
4. Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội;
5. Công ty Cổ phần Thời trang Quốc tế Ngôi sao.

Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết của Công ty được trình bày tại Thuyết minh số 6.

## 2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ lập cho kỳ này bắt đầu từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

#### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

## 3. LUẬT KẾ TOÁN MỚI

Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo

hợp nhất này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

##### Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

##### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- b) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

##### Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2017 đến ngày 31/12/2017. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

##### Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

#### **Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi BCTC hợp nhất.

#### **Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này, các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính nên Công ty đang xác định giá trị hợp lý của của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư là giá trị trên sổ sách của các Công ty con, liên kết này. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh là 10 năm.

#### **Công cụ tài chính**

##### **Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

##### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

##### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

##### **Các khoản đầu tư tài chính**

##### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

#### ***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

#### ***Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:***

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

#### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại; Đối với hoạt động thương mại: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	10

#### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị của phần mềm máy tính. Các phần mềm này được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 đến 08 năm.

#### Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính đến tháng 01/2064.

#### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

#### Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí quảng cáo và một số chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn không quá 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí thuê đất, lợi thế kinh doanh, giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa tài sản và các chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

#### Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các dự kiến hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa Công ty con của Công ty và các tổ đội xây dựng hạch toán phụ thuộc, không có tư cách pháp nhân.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu.

#### Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngọai tệ



Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để phân phối lợi nhuận.

#### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

#### Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>5 . Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		
Tiền mặt tại quỹ	3,697,961,862	3,303,073,671
Tiền gửi ngân hàng	19,944,427,328	35,770,599,884
Các khoản tương đương tiền	56,200,863,880	30,918,359,086
<b>Cộng</b>	<b>82,154,870,937</b>	<b>69,992,032,641</b>
<b>6 . Các khoản đầu tư tài chính (Phụ lục số 01)</b>		
<b>7 . Phải thu khách hàng</b>		
<i>a&gt; Phải thu khách hàng ngắn hạn</i>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Trần Mạnh Hùng	3,778,995,613	3,206,240,213
Trần Tuấn Anh	8,618,192,035	2,550,628,400
Hoàng Thị Xuân	182,033,000	182,033,000
Công ty TNHH SX &TM Đại Hoàng Nam	1,277,373,145	1,277,373,145
Công ty Cổ phần Thương mại Trảng An - Việt Nam	3,070,566,020	19,214,999,111
Công ty cổ phần bánh kẹo Trảng An 2- Việt Nam	51,700,000	684,107,796
Công ty cổ phần Nhất Nam	0	578,253,589
Công ty CP DVTM Tổng hợp VINCOMMERCE	1,318,177,117	423,380,938
Đối tượng khác	6,887,258,650	14,495,923,000
<b>Cộng</b>	<b>25,184,295,580</b>	<b>42,612,939,192</b>
<i>b&gt; Phải thu khách hàng dài hạn</i>		
<b>8 . Trả trước cho người bán</b>		
<i>a&gt; Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty TNHH Rich Media	0	452,660,000
Suntime IMP-EXP Trading LTD	200,640,000	200,640,000
Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Đông Anh	303,025,500	303,025,500
Đối tượng khác	6,284,689,032	1,297,501,791
<b>Cộng</b>	<b>6,788,354,532</b>	<b>2,253,827,291</b>
<i>b&gt; Trả trước cho người bán dài hạn</i>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty CP Đầu tư xây dựng và kỹ thuật Vinaconex	1,030,636,998	1,030,636,998
Đối tượng khác	296,225,000	296,225,000
<b>Cộng</b>	<b>1,326,861,998</b>	<b>1,326,861,998</b>
<b>9 . Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<i>a) Các chủ nhiệm công trình (i)</i>		
<b>Phải thu gốc cho vay ứng vốn công trình</b>		
Trần Mạnh Hùng	6,226,758,516	6,226,758,516
Trần Tuấn Anh	1,142,154,352	2,142,154,352

Đỗ Văn Lũng	895,947,386	895,947,386
Vũ Mạnh Thắng	753,312,700	753,312,700
Nguyễn Ngọc Hải	253,033,240	253,033,240
<b>Phải thu lãi cho vay ứng vốn công trình</b>		
Trần Mạnh Hùng	5,486,925,863	-
Trần Tuấn Anh	1,188,734,633	-
Đỗ Văn Lũng	1,268,815,464	-
Vũ Mạnh Thắng	1,294,580,961	70,000,000
<b>b) Các đối tượng khác</b>		
<b>Cộng</b>	<b>18,510,263,115</b>	<b>10,341,206,194</b>

(i) Là các hợp đồng ứng vốn cho các chủ nhiệm công trình tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà với thời hạn là 6 tháng (Phụ lục hợp đồng gia hạn đến thời điểm công trình quyết toán hoặc thu được tiền từ các công trình) và lãi suất là 0,6%/tháng.

#### 10. Các khoản phải thu khác

##### a> Ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	2,881,550,000		0	
Ký cược, ký quỹ	10,000,000		10,000,000	
Tạm ứng	4,293,412,184	(551,691,851)	3,471,629,973	(551,691,851)
Phải thu khác	28,473,981,386	(794,014,451)	33,470,849,771	(794,014,451)
- Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn tạm tính	6,665,574,419		11,618,231,648	
- Công ty CP Địa ốc Hà Nội (i)	17,047,784,000		17,047,784,000	
- CN Cty CP Bánh mứt kẹo HN - KS Việt Linh	1,528,079,787		1,497,375,402	
- Phải thu công nợ Phan Quang Lễ	309,603,491	(309,603,491)	309,603,491	(309,603,491)
- Đối tượng khác	2,922,939,689	(484,410,960)	2,997,855,230	(484,410,960)
<b>Cộng</b>	<b>35,658,943,570</b>	<b>(1,345,706,302)</b>	<b>36,952,479,744</b>	<b>(1,345,706,302)</b>

##### b> Dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khác	16,431,879,415		16,358,027,485	
CTCP Thăng Long - Đông Anh (ii)	9,749,159,675		9,087,019,259	
Ban Quản lý Dự án Khu Đô thị Việt Hà (iii)	2,000,000,000		2,000,000,000	
Công ty Cổ phần Địa ốc Hà Nội (iv)	1,166,400,000		1,166,400,000	
ông Lâm Quốc Phương	1,585,000,000		1,585,000,000	
bà Phạm Thị Thơm	980,000,000		980,000,000	
Đối tượng khác	951,319,740		1,539,608,226	
<b>Cộng</b>	<b>16,431,879,415</b>	<b>-</b>	<b>16,358,027,485</b>	<b>-</b>

Ghi chú:

(i) Khoản Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà phải thu Công ty Cổ phần Địa ốc Hà Nội tiền sử dụng đất tại Dự án 235 Lạc Long Quân theo Kết luận số 2125/TTCP ngày 01/9/2009 tương ứng với diện tích đất của 22 căn hộ thuộc quyền sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật của Công ty này tại dự án nêu trên.

(ii) Khoản tiền thuê đất và thuê đất trả thay cho Công ty Cổ phần Thăng Long - Đông Anh theo Hợp đồng góp vốn số 27/2009/HĐGV ngày 30/07/2009 về việc hợp tác đầu tư dự án “Đầu tư xây dựng Khu hỗn hợp và nhà ở 11-13 Nguyễn Chí Thanh” và Biên bản thỏa thuận ba bên ngày 15/09/2016, Phụ lục I ngày 16/09/2016 về việc Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long chuyển nhượng toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình trong Dự án cho Công ty Cổ phần Thăng Long - Đông Anh.

(iii) Khoản Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà phải thu tiền hợp tác kinh doanh để đầu tư dự án khu đô thị Việt Hà theo quyết định liên doanh số 2011/QĐ-LĐ gồm các bên tham gia là Công ty CPĐT và XD Việt Hà, Công ty TNHH Đại Hoàng Long, Công ty CP xây dựng và kỹ thuật Việt Nam. Theo đó nguồn kinh phí khởi điểm của dự án đầu tư là 6 tỷ đồng. Tại ngày cuối năm, Công ty đã góp 2 tỷ VND.

(iv) Khoản Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà phải thu số tiền 1.166.400.000 VND tương ứng với hạ tầng của 2 căn hộ Công ty đã chi trả cho Công ty CP Địa ốc Hà Nội theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 42/HĐ-HTĐT tháng 7/2001 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Địa ốc Hà Nội. Công ty sẽ được kinh doanh 2 căn hộ này sau khi xây dựng xong.

11 . Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi nhánh CTCP Bánh mứt kẹo Hà Nội	1,762,254,649	83,336,739	1,762,254,649	83,336,739
Công ty TNHH SX &TM Đại Hoàng Nam	1,277,373,145		1,277,373,145	
Đỗ Văn Lũng	895,947,386		895,947,386	
Vũ Mạnh Thắng	823,312,700		823,312,700	
Trần Bình Dân	590,413,500		590,413,500	
Lê Khắc Huy	495,103,751		495,103,751	
Hetman LTD	484,410,960		484,410,960	
Đào Hồng Thanh	468,912,632		468,912,632	
Nguyễn Gia Điệp	422,879,976		422,879,976	
Phan Quang Lễ	309,603,491		309,603,491	
Các đối tượng khác	6,943,884,367	379,141,462	8,459,749,149	1,895,006,244
<b>Cộng</b>	<b>14,474,096,557</b>	<b>462,478,201</b>	<b>15,989,961,339</b>	<b>1,978,342,983</b>

12 . Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường		0	284,695,145	
Nguyên liệu, vật liệu	23,413,613,376	(4,840,877,303)	29,446,324,952	(4,840,877,303)
Công cụ, dụng cụ	3,644,414,942		3,880,191,229	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1,383,420,593		1,387,079,002	
Thành phẩm	13,456,738,245	(562,492,947)	14,426,454,052	(562,492,947)
Hàng hóa	773,212,002		4,009,776,673	
Hàng gửi đi bán	431,668,878	(342,495,710)	616,139,689	(342,495,710)
<b>Cộng</b>	<b>43,103,068,036</b>	<b>(5,745,865,960)</b>	<b>54,050,660,742</b>	<b>(5,745,865,960)</b>

Tại ngày cuối kỳ, Công ty có một lượng bia và nước Opal gửi bán đã tồn từ lâu với tổng số tiền là 342.495.710 VND.

13 . Tăng, giảm tài sản cố định

a> Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (phụ lục số 02)

**b> Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhãn hiệu hàng hóa	Chương trình phần mềm	Chuyển giao công nghệ	TSCĐ vô hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	131,551,318	1,248,231,180	5,653,054,009	1,369,943,675	8,402,780,182
Số tăng trong năm	-	209,136,000	-	-	209,136,000
- Mua trong năm		209,136,000			209,136,000
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	131,551,318	1,457,367,180	5,653,054,009	1,369,943,675	8,611,916,182
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	131,551,318	991,823,261	5,653,054,009	1,369,943,675	8,146,372,263
Số tăng trong năm	-	76,054,231	-	-	76,054,231
- Khấu hao trong năm		76,054,231			76,054,231
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	131,551,318	1,067,877,492	5,653,054,009	1,369,943,675	8,222,426,494
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	0	256,407,919	0	-	256,407,919
Tại ngày cuối năm	0	389,489,688	0	-	389,489,688

**14 . Bất động sản đầu tư**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	12,500,000,000	12,500,000,000
Phát sinh tăng trong kỳ	0	0
Phát sinh giảm trong kỳ	0	0
Số dư cuối kỳ	12,500,000,000	12,500,000,000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	271,739,136	271,739,136
Khấu hao trong kỳ	135,869,568	135,869,568
Số dư cuối kỳ	407,608,704	407,608,704
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư đầu năm	12,228,260,864	12,228,260,864
Số dư cuối kỳ	12,092,391,296	12,092,391,296

**Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư**

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày cuối năm cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Tràng An hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày cuối năm chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty Cổ phần Tràng An sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty Cổ phần Tràng An chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

Bất động sản đầu tư là giá trị 02 căn hộ tại tòa nhà Tràng An Complex Số 1, phố Phùng Chí Kiên, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

**15 . Tài sản dở dang dài hạn**

**a> Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dự án 154 Cầu Diễn (i)	15,374,499,175	15,374,499,175	15,282,020,390	15,282,020,390
Dự án KĐT Việt Hà	787,936,200	787,936,200	-	-
<b>Cộng</b>	<b>16,162,435,375</b>	<b>16,162,435,375</b>	<b>15,282,020,390</b>	<b>15,282,020,390</b>

Ghi chú:

(i) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn thể hiện chi phí sản xuất kinh doanh tại Dự án 154 Cầu Diễn tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 06/HĐ/2005 ngày 1/1/2005 giữa Công ty Đầu tư Xây dựng Nông nghiệp và phát triển nông thôn (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Việt Hà) với Công ty Cổ phần Đầu tư An Lạc, theo kết quả kinh doanh: được hưởng lợi hoặc chịu rủi ro, phân chia lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ góp vốn mỗi bên 50%. Tổng toàn dự án gồm 30 căn: Công ty Cổ phần Đầu tư An Lạc chịu trách nhiệm huy động vốn 17 căn, Công ty chịu trách nhiệm huy động vốn 13 căn. Trước cổ phần hóa đã quyết toán 5 năm, năm 2015 quyết toán 5 căn tiếp theo đến nay số căn còn lại chưa bàn giao quyết toán.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>b&gt; Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang</b>		
<b>Mua sắm</b>	<b>2,707,878,341</b>	<b>2,707,878,341</b>
<i>Máy chung cất tạo cón thom từ thảo mộc</i>	<i>2,707,878,341</i>	<i>2,707,878,341</i>
<b>Xây dựng cơ bản</b>	<b>60,245,870,558</b>	<b>41,405,079,198</b>
<i>Dự án 87 Lĩnh Nam (i)</i>	<i>40,057,876,364</i>	<i>40,057,876,364</i>
<i>Dự án vườn sinh thái Việt Hà</i>	<i>818,797,798</i>	<i>749,157,798</i>
<i>Dự án xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh</i>	<i>19,109,830,941</i>	<i>363,952,308</i>
<i>Dự án cải tạo khu nhà làm việc và SXKD 254 MK</i>	<i>131,379,091</i>	<i>0</i>
<i>Khác</i>	<i>127,986,364</i>	<i>234,092,728</i>
<b>Cộng</b>	<b>62,953,748,899</b>	<b>44,112,957,539</b>

Ghi chú:

(i) Bao gồm 40.000.000.000 VND là khoản quyền lợi Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà được hưởng khi thực hiện dự án tại số 87 phố Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội được xác định theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>16 . Chi phí trả trước</b>		
<b>a&gt; Ngắn hạn</b>	<b>789,277,358</b>	<b>1,034,580,865</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	752,756,226	413,314,335
Chi phí quảng cáo	0	444,000,000
Tiền thuê nhà	0	119,085,000
Các khoản khác	36,521,132	58,181,530
<b>b&gt; Dài hạn</b>	<b>55,589,231,015</b>	<b>58,296,423,226</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3,202,656,195	4,992,926,216
Chi phí sửa chữa	274,399,752	284,801,064
Lợi thế kinh doanh (i)	13,564,099,786	14,411,856,022
Giá trị quyền sử dụng đất	543,333,320	556,916,654
Tiền thuê đất (ii)	37,258,410,926	37,750,171,522
Chi phí trả trước dài hạn khác	746,331,036	299,751,748
<b>Cộng</b>	<b>56,378,508,373</b>	<b>59,331,004,091</b>

Ghi chú:

(i) Lợi thế kinh doanh tại Công ty được xác định theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014.

(ii) Bao gồm:

- Tiền thuê Công ty Cổ phần Trảng An trả một lần cho đất thuê lại từ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hà Tây để xây dựng nhà máy sản xuất tại lô CN6, Khu Công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai, xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, Hà Nội. Lô đất này đã được thế chấp cho khoản vay dài hạn của Công ty Cổ phần Trảng An như trình bày tại thuyết minh số 24 phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

- Tiền thuê Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội trả một lần với diện tích 23.390 m2 đất thuê lại từ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hà Tây để xây dựng nhà máy sản xuất ở Lô CN5, Khu Công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai, xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, Hà Nội theo Hợp đồng thuê lại đất số 09/HDTLD-HT ngày 28/09/2007. Tiền gian thuê từ ngày 30/01/2008 đến ngày 13/01/2056.

		VNĐ
<b>17 . Lợi thế thương mại</b>		
Nguyên giá		
Số đầu năm		14,758,819,616
Số cuối kỳ		14,758,819,616
<b>Giá trị đã phân bổ</b>		
Số đầu năm		7,379,409,810
Giá trị phân bổ trong kỳ		737,940,981
Số cuối kỳ		8,117,350,791
<b>Giá trị còn lại</b>		
Lợi thế thương mại đầu năm		7,379,409,806
Lợi thế thương mại cuối kỳ		<b>6,641,468,825</b>

**18 . Vay và nợ thuê tài chính (Phụ lục số 03)****19 . Phải trả người bán**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>a&gt; Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Bia và NGK Việt Hà	14,847,941,037	14,847,941,037	9,230,433,317	9,230,433,317
Cty TNHH Hàng tiêu dùng và DVTM T&T	250,246,230	250,246,230	7,736,524,925	7,736,524,925
Công ty cổ phần bao bì Liksin Phương Bắc	537,738,889	537,738,889	4,130,896,305	4,130,896,305
Công ty TNHH Cơ nhiệt Điện lạnh Bách Khoa	3,056,073,451	3,056,073,451	3,056,073,451	3,056,073,451
Công ty TNHH Đức Anh	1,537,147,091	1,537,147,091	2,910,925,739	2,910,925,739
Cty TNHH MTV quản lý & phát triển nhà Hà Nội	2,683,144,719	2,683,144,719	2,744,072,717	2,744,072,717
Công ty TNHH Quang Quân	523,127,339	523,127,339	2,655,707,149	2,655,707,149
Công ty TNHH Khải Minh	1,224,049,750	1,224,049,750	2,539,692,375	2,539,692,375
Công ty CP Đầu tư XD& Kỹ thuật Vinaconex	1,688,862,250	1,688,862,250	1,688,862,250	1,688,862,250
Công ty TNHH MTV HT-VINA	590,286,141	590,286,141	486,677,854	486,677,854
Đối tượng khác	24,469,137,272	24,469,137,272	43,149,968,285	43,149,968,285
<b>Cộng</b>	<b>51,407,754,169</b>	<b>51,407,754,169</b>	<b>80,329,834,367</b>	<b>80,329,834,367</b>

**20 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp/ phải thu trong kỳ	Số đã thực nộp/ thực thu trong kỳ	Số cuối kỳ
	<i>a&gt; Phải nộp</i>			
Thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp	2,243,020,707	4,951,829,306	6,784,174,720	410,675,293
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	30,564,600	30,564,600	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	133,120,573	279,353,599	412,474,172	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,708,560,278	540,836,554	2,249,396,832	-
Thuế thu nhập cá nhân	181,899,398	1,166,570,583	1,289,809,050	58,660,931
Thuế tài nguyên	2,999,048	22,082,484	20,160,618	4,920,914
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	64,986,776,870	1,180,177,665	1,184,626,920	64,982,327,615
Các loại thuế khác	50,714,731	19,520,752	19,593,498	50,641,985
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	6,844,140,403	3,665,202,066	283,657,155	10,225,685,314
<b>Cộng</b>	<b>76,151,232,008</b>	<b>11,856,137,609</b>	<b>12,274,457,565</b>	<b>75,732,912,052</b>
<i>b&gt; Phải thu</i>				
Thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp	246,170,420	58,699,813	98,049,352	285,519,959
Thuế thu nhập doanh nghiệp	217,764,293		707,333,695	925,097,988
Thuế thu nhập cá nhân	9,890,813	6,774,531		3,116,282
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	3,942,880,224	530,332,083		3,412,548,141
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	6,366,089,680			6,366,089,680
<b>Cộng</b>	<b>10,782,795,430</b>	<b>595,806,427</b>	<b>805,383,047</b>	<b>10,992,372,050</b>

21 . Chi phí phải trả	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>a&gt; Ngắn hạn</i>		
Chi phí lãi vay	3,833,250,000	3,869,487,520
Tiền điện	1,530,991,840	1,161,435,589
Chi phí khác	1,957,756,183	1,667,762,037
<b>Cộng</b>	<b>7,321,998,023</b>	<b>6,698,685,146</b>
<i>b&gt; Dài hạn</i>		
Chi phí trích trước công trình (i)	10,644,315,712	12,717,672,735
<b>Cộng</b>	<b>10,644,315,712</b>	<b>12,717,672,735</b>

Ghi chú:

(i) Chi phí trích trước các công trình tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà.

22 . Phải trả nội bộ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>a&gt; Phải trả nội bộ ngắn hạn (i)</i>		
ông Trần Mạnh Hùng	1,987,364,466	1,987,364,466
ông Trần Tuấn Anh	4,332,124,975	4,145,554,129
bà Hoàng Thị Xuân	477,105,049	535,105,049
ông Võ Đức Sự	1,025,902,642	1,025,902,642
Đối tượng khác	868,126,145	919,054,248
<b>Cộng</b>	<b>8,690,623,277</b>	<b>8,612,980,534</b>

Ghi chú:

(i) Các khoản phải thu nội bộ tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà.

23 . Doanh thu chưa thực hiện	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>a&gt; Ngắn hạn</i>		
<i>b&gt; Dài hạn</i>		
Doanh thu cho thuê nhận trước từ Cty CP tập đoàn PT Thủ đô (i)	8,590,908,720	8,590,908,720
Doanh thu chưa thực hiện khác	583,702,800	583,702,800
<b>Cộng</b>	<b>9,174,611,520</b>	<b>9,174,611,520</b>

Ghi chú:

(i) Là số tiền thu theo Hợp đồng thuê nhà số 178/HĐKT ngày 01/11/2007, Phụ lục Hợp đồng ngày 29/10/2010 và Phụ lục số 2 ngày 22/02/2012 và Hợp đồng thuê nhà ngày 27/4/2012 giữa Công ty Cổ phần Bán Mứt Kẹo Hà Nội và Công ty Cổ phần Tập đoàn Phát triển Thủ đô về việc cho thuê toàn bộ khu nhà 36 Bát Đàn và 82 Hàng Gà trên lô đất có diện tích 294,62 m<sup>2</sup> để Công ty Cổ phần Tập đoàn Phát triển Thủ Đô sẽ cải tạo, xây dựng và nâng cấp tòa nhà thành một tòa nhà cao cấp phục vụ mục đích kinh doanh tổng hợp, cho thuê văn phòng; thời hạn cho thuê là 40 năm tính từ ngày 01/01/2010; giá thuê là 450 triệu đồng/năm; thanh toán tiền thuê 5 năm đầu trong vòng 30 ngày kể từ ngày căn nhà được bàn giao; trả trước ngay một lần trong năm 2012 tiền thuê trong thời hạn 25 tiếp theo và được miễn tiền thuê trong thời hạn 10 năm sau cùng.

24 . Các khoản phải trả, phải nộp khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>a&gt; Ngắn hạn</i>		
Tài sản thừa chờ giải quyết	11,328,000	11,328,000
Các khoản trích theo lương	3,159,990,848	1,818,014,204
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	30,000,000	30,000,000
Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (i)	19,465,875,966	19,431,307,001
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7,187,932,540	2,626,853,792
<i>Số dư theo dõi chiết khấu</i>	3,696,332,482	2,027,519,640
<i>Phải trả khác</i>	3,491,600,058	599,334,152
<b>Cộng</b>	<b>29,855,127,354</b>	<b>23,917,502,997</b>



**b> Dài hạn**

Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	10,593,454,787	10,614,970,787
Công ty Cổ phần Thăng Long - Đông Anh (ii)	4,800,000,000	4,800,000,000
Dự án Phú Minh	200,000,000	200,000,000
Dự án 154 Cầu Diễn (iii)	10,421,113,406	10,421,113,406
Dự án Khu đô thị Việt Hà (iv)	5,864,547,027	5,864,547,027
Phải trả khách hàng góp vốn thực hiện dự án (v)	5,707,556,532	5,707,556,532
Các khoản khác	11,328,000	0
<b>Cộng</b>	<b>37,597,999,752</b>	<b>37,608,187,752</b>

**Ghi chú:**

(i) Bao gồm 18.597.800.000 VND là khoản Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà phải nộp Ngân sách Nhà nước tiền sử dụng đất cho diện tích đất 1.555 m2, vị trí số 1, tại 235 Lạc Long Quân theo Theo Kết luận số 2125/TTCP ngày 01/9/2009 với số tiền là 24.880.000.000 VND, đến thời điểm hiện tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà đã nộp số tiền 6.282.200.000 VND, số còn phải nộp là 18.597.800.000 VND.

(ii) Khoản Công ty góp vốn hợp tác đầu tư của Công ty Cổ phần Thăng Long - Đông Anh theo Biên bản thỏa thuận ba bên ngày 15/09/2016 và Phụ lục I ngày 16/09/2016 về việc xác định nghĩa vụ tài chính phải trả về việc hợp tác đầu tư dự án "Đầu tư xây dựng Khu hỗn hợp và nhà ở 11-13 Nguyễn Chí Thanh";

(iii) Khoản Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư An Lạc tiền góp vốn thực hiện dự án và tiền xây thô một số căn hộ do hai bên chưa quyết toán theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư dự án Đầu tư xây dựng nhà ở để bán ở 154 Cầu Diễn.

(iv) Như trình bày tại Thuyết minh số 10 mục (iv) phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, các bên tham gia dự án Đầu tư Khu đô thị Việt Hà đã góp 6 tỷ VND để thực hiện Dự án. Ban Quản lý dự án đã ủy quyền cho Công ty gửi tiền có kỳ hạn để bổ sung kinh phí hoạt động của Ban Quản lý Dự án. Số dư tại ngày cuối năm thể hiện khoản tiền góp vốn của các bên tham gia dự án nói trên;

(v) Khoản Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà phải trả tiền khách hàng góp vốn mua nhà dự án 154 Cầu Diễn do chưa quyết toán.

**25. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Xem phụ lục số 04)****b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 05 ngày 01/07/2017, vốn điều lệ của Công ty là 769.000.000.000 VND. Vốn điều lệ đã được góp đủ như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của nhà nước	392,502,000,000	392,502,000,000
Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần	277,580,890,000	277,580,890,000
Vốn góp của các đối tượng khác	98,917,110,000	98,917,110,000
<b>Cộng</b>	<b>769,000,000,000</b>	<b>769,000,000,000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận.**

	<u>Năm nay</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	769,000,000,000
+ Vốn góp đầu năm	
+ Vốn góp tăng trong năm	
+ Vốn góp giảm trong năm	
+ Vốn góp cuối năm	769,000,000,000

d) Các quỹ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	854,394,231	854,394,231
<b>Cộng</b>	<b>854,394,231</b>	<b>854,394,231</b>
	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
26 . Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
<i>a&gt; Doanh thu</i>		
Doanh thu bán sản phẩm và hàng hóa	269,681,642,508	277,183,579,325
Doanh thu cung cấp dịch vụ	23,064,010,986	23,223,946,974
Doanh thu hợp đồng xây dựng	99,939,901	696,339,908
Doanh thu cho thuê nhà, quản lý điện	16,462,915,785	14,494,453,662
<b>Cộng</b>	<b>309,308,509,180</b>	<b>315,598,319,869</b>
27 . Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	14,821,855,341	3,274,209,440
Giảm giá hàng bán	0	10,668,108,031
Hàng bán bị trả lại	2,939,882,141	5,591,198,597
<b>Cộng</b>	<b>17,761,737,482</b>	<b>19,533,516,068</b>
28 . Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán sản phẩm và hàng hóa	251,919,905,026	257,650,063,257
Doanh thu cung cấp dịch vụ	23,064,010,986	23,223,946,974
Doanh thu hợp đồng xây dựng	99,939,901	696,339,908
Doanh thu cho thuê nhà, quản lý điện	16,462,915,785	14,494,453,662
<b>Cộng</b>	<b>291,546,771,698</b>	<b>296,064,803,801</b>
29 . Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán sản phẩm và hàng hóa	229,400,908,794	234,710,010,548
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	23,565,850,440	23,098,796,297
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	98,440,005	685,911,664
Giá vốn của dịch vụ cho thuê nhà, quản lý điện	15,261,921,093	14,109,151,459
<b>Cộng</b>	<b>268,327,120,332</b>	<b>272,603,869,968</b>
30 . Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	21,608,658,853	11,855,516,835
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2,881,550,000	19,593,568,203
Doanh thu hoạt động tài chính khác	299,134,936	118,454,655
<b>Cộng</b>	<b>24,789,343,789</b>	<b>31,567,539,693</b>
31 . Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	1,235,286,743	1,377,979,350
Lỗi chênh lệch tỷ giá	0	613,200
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(2,572,449,112)	7,856,358,531
Chi phí tài chính khác	60,481,954	40,323,358
<b>Cộng</b>	<b>(1,276,680,415)</b>	<b>9,275,274,439</b>

	Năm nay	Năm trước
<b>32 . Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
<i>a&gt; Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</i>		
Chi phí nhân công	7,007,563,425	6,344,613,287
Chi phí vật liệu, bao bì	344,697,283	397,222,428
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	1,772,574,461	1,834,407,914
Chi phí khấu hao	1,133,716,254	1,221,571,258
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,809,283,869	938,396,295
Chi phí bằng tiền khác	2,302,564,624	4,113,496,826
Chi phí khuyến mại, hoa hồng, QC	4,740,263,054	4,414,835,814
<b>Cộng</b>	<b>19,110,662,970</b>	<b>19,264,543,822</b>
<i>b&gt; Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>		
Chi phí nhân công	15,181,214,857	13,462,054,216
Lợi thế thương mại	737,940,981	737,940,981
Chi phí vật tư, đồ dùng văn phòng	732,568,570	635,217,820
Chi phí khấu hao	1,462,661,291	2,903,782,811
Thuế, phí và lệ phí	562,655,450	533,726,610
Chi phí dự phòng	0	0
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,277,083,610	2,048,025,228
Chi phí bằng tiền khác	3,196,858,073	4,011,899,966
<b>Cộng</b>	<b>24,150,982,832</b>	<b>24,332,647,632</b>
<b>33 . Thu nhập khác</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Thanh lý vật tư, CCDC, TSCĐ	2,272,727	430,909
Thu nhập khác	316,466,724	36,290,424
<b>Cộng</b>	<b>318,739,451</b>	<b>36,721,333</b>
<b>34 . Chi phí khác</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Giá trị còn lại của vật tư, CCDC, TSCĐ thanh lý	0	0
Tiền chậm nộp, tiền phạt	4,118,395,461	60,878,526
Khấu hao TSCĐ, phân bổ CCDC	925,675,170	1,175,935,883
Chi phí khác	171,906,987	191,875,122
<b>Cộng</b>	<b>5,215,977,618</b>	<b>1,428,689,531</b>
<b>35 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	540,836,554	441,581,253
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại các Công ty con	540,836,554	441,581,253
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>540,836,554</b>	<b>441,581,253</b>

**36 . Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính (Phụ lục số 05)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

**Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động về giá cổ phiếu trên thị trường cũng như tính không chắc chắn về giá trị cổ phiếu trong tương lai. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên phân tích diễn biến của thị trường và cổ phiếu của doanh nghiệp Công ty đầu tư, đưa ra hạn mức đầu tư hợp lý. Mặt khác, Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

**Quản lý rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

**Rủi ro thanh khoản**

Đây là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tình thanh khoản được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản, hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại ngày 30/06/2019	Dưới 1 năm đồng	Từ 1 đến 5 năm đồng	Tổng cộng đồng
Phải trả người bán và phải trả khác	118,860,881,275	37,597,999,752	156,458,881,027
Chi phí phải trả	7,321,998,023	10,644,315,712	17,966,313,735
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	46,804,486,525	1,088,625,350	47,893,111,875
<b>Cộng</b>	<b>172,987,365,823</b>	<b>49,330,940,814</b>	<b>222,318,306,637</b>

Tại ngày 01/01/2019	Dưới 1 năm đồng	Từ 1 đến 5 năm đồng	Tổng cộng đồng
Phải trả người bán và phải trả khác	141,855,525,116	37,608,187,752	179,463,712,868
Chi phí phải trả	6,698,685,146	12,717,672,735	19,416,357,881
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	36,415,107,808	1,088,625,350	37,503,733,158
<b>Cộng</b>	<b>184,969,318,070</b>	<b>51,414,485,837</b>	<b>236,383,803,907</b>

**37. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Tại thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2019, Công ty Cổ phần Bán mứt kẹo Hà Nội và Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà đã có kết quả thanh kiểm tra thuế các năm tài chính trước đến hết năm 2018; theo đó tổng số thuế thu thuế, tiền phạt và tiền chậm nộp tại hai công ty lần lượt là 1,1 tỷ và 2,1 tỷ sẽ được ghi nhận vào kết quả kinh doanh 6 tháng cuối năm 2019.



Mai Xuân Sơn

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 6 tháng 9 năm 2019

Lê Văn Đạt  
Kế toán trưởng

Trần Hòa Bình  
Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ VIỆT HÀ**

Địa chỉ: 254 Minh Khai - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Phụ lục số 01: Thuyết minh chi tiết các khoản đầu tư tài chính

a> Đầu tư nắm giữ đến kỳ đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a1> Ngân hạn	312,000,000,000	312,000,000,000	337,400,000,000	337,400,000,000
Tiền gửi có kỳ hạn	312,000,000,000	312,000,000,000	337,400,000,000	337,400,000,000
b2> Dài hạn	0	0	0	0
Tiền gửi có kỳ hạn	0	0	0	0

e> Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ (iii)	Số cuối kỳ (iii)
	Giá gốc (i)	Giá trị sổ sách (ii)	Giá gốc (i)	Giá trị sổ sách (ii)		
Công ty CP Giấy Ngọc Hà	114,875,600,000	128,316,242,543	124,813,647,475	5,900,402,159	(741,527,834)	128,220,883,192
Công ty CP Đồng Tháp	5,572,000,000	7,852,217,784	7,680,102,303	1,102,114,016	(436,539,927)	7,852,217,784
Công ty CP Bia và Nước giải khát Việt Hà	3,540,000,000	0	0	0	0	0
Công ty CP Dược phẩm Hà Nội	80,000,000,000	90,146,485,946	87,063,950,992	3,505,150,929	(422,615,975)	90,146,485,946
Công ty CP Thời trang Quốc tế Ngôi sao (iv)	25,163,600,000	29,717,538,813	29,564,337,410	1,293,753,334	(1,258,180,000)	29,717,538,812
	600,000,000	600,000,000	505,256,770	(616,120)	0	504,640,650

Đầu tư vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Dự phòng	Giá trị hợp lý
	Giá gốc (i)	Giá trị sổ sách (ii)	Giá gốc (i)	Giá trị sổ sách (ii)		
Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Hà Nội	63,230,500,000	87,180,795,360	87,180,795,360	87,180,795,360	(37,807,600)	(*)
Công ty Liên doanh TNHH Crown Hà Nội	4,116,500,000	4,427,249,874	4,427,249,874	4,427,249,874	0	(*)
Công ty CP Đô thị sinh thái Yên Nội	37,264,000,000	60,894,782,516	60,894,782,516	60,894,782,516	0	(*)
Công ty CP Bánh kẹo Tràng An 2 - Việt Nam	14,000,000,000	14,008,762,970	14,008,762,970	14,008,762,970	0	(*)
Công ty CP Bánh kẹo Tràng An 3 - Việt Nam	5,100,000,000	5,100,000,000	5,100,000,000	5,100,000,000	0	(*)
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Việt Hà	1,500,000,000	1,500,000,000	1,500,000,000	1,500,000,000	0	(*)
	1,250,000,000	1,250,000,000	1,250,000,000	1,250,000,000	0	(*)

Ghi chú:

(i) Giá gốc các khoản đầu tư theo số liệu trước thời điểm chuyển sang Công ty cổ phần.

(ii) Giá trị các khoản đầu tư ghi nhận trên sổ sách theo số liệu bán giao từ Công ty TNHH MTV sang Công ty cổ phần

(iii) Giá trị các khoản đầu tư được điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu

(iv) Tại ngày phát hành báo cáo này, Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2019 của Công ty này

pháp vốn chủ sở hữu theo BCTC chưa được kiểm toán năm 2018 của Công ty này

(\*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc niên độ kế toán của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này, các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ

Công ty thực hiện ghi nhận giá trị đầu tư theo phương pháp

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ VIỆT HÀ

Địa chỉ: 254 Minh Khai - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tóm tắt tình hình hoạt động các công ty liên kết trong kỳ:

Thông tin bổ sung về các khoản góp vốn vào đơn vị khác	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biến quyết	Hoạt động chính
<b>Đầu tư vào công ty con</b>					
Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội	Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội	892,500	51.00%	51.00%	Sản xuất và kinh doanh các loại bánh, mứt, kẹo
Công ty Cổ phần Tràng An	Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội	1,149,100	51.76%	51.76%	Sản xuất và kinh doanh các loại bánh từ bột; Sản xuất ca cao, socola và mứt kẹo
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà	Quận Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	1,860,390	88.59%	88.59%	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế	Thị xã Di An, Tỉnh Bình Dương	9,215,000	68.44%	68.44%	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>					
Công ty Cổ phần Giấy Ngọc Hà	Huyện Gia Lâm, Tp. Hà Nội	557,200	29.33%	29.33%	Sản xuất giấy dếp
Công ty Cổ phần Đồng Tháp	Q. Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội	354,000	25.29%	25.29%	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh	8,000,000	37.23%	37.23%	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội	Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội	2,516,360	40.00%	40.00%	Sản xuất kinh doanh thuốc chữa bệnh, phòng bệnh phục vụ sức khỏe con người
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>					
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hà Nội	Quận Hoàng Mai, Tp. Hà Nội	411,650	2.74%	2.74%	Kinh doanh BĐS, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Công ty Liên doanh TNHH Crown Hà Nội	Huyện Thường Tín, Tp. Hà Nội	1,400,000	9.30%	9.30%	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu
Công ty Cổ phần Đô thị sinh thái Văn Nội	Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội	60,000	2.00%	2.00%	Hoạt động xây dựng chuyên dụng
Công ty Cổ phần Thời trang Quốc tế Ngôi sao	Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội	60,000	51.00%	10.20%	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dếp

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ VIỆT HÀ**

Địa chỉ: 254 Minh Khai - Hai Bà Trưng - Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**Phụ lục số 02: Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị DCQL	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>						
Số dư đầu năm	211,442,383,308	231,989,643,856	23,975,238,215	4,277,971,628	97,624,000	471,782,861,007
Số tăng trong năm	-	235,900,000	-	-	-	235,900,000
- Mua trong năm	-	235,900,000	-	-	-	235,900,000
Số giảm trong năm	-	-	131,818,182	81,902,353	-	213,720,535
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	131,818,182	81,902,353	-	131,818,182
- Giảm khác	-	-	-	-	-	81,902,353
Số dư cuối kỳ	211,442,383,308	232,225,543,856	23,843,420,033	4,196,069,275	97,624,000	471,805,040,472
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	62,922,058,374	174,690,744,311	19,801,157,831	3,406,716,688	25,539,915	260,846,217,119
Số tăng trong năm	3,752,206,230	7,892,995,214	889,140,195	99,942,144	4,859,604	12,639,143,387
- Khấu hao trong năm	3,752,206,230	7,892,995,214	889,140,195	99,942,144	4,859,604	12,639,143,387
Số giảm trong năm	-	-	-	81,902,353	-	81,902,353
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	81,902,353	-	81,902,353
- Giảm khác	-	-	-	-	-	0
Số dư cuối năm	66,674,264,604	182,583,739,525	20,690,298,026	3,424,756,479	30,399,519	273,403,458,153
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	148,520,324,934	57,298,899,545	4,174,080,384	871,254,940	72,084,085	210,936,643,888
Tại ngày cuối năm	144,768,118,704	49,641,804,331	3,153,122,007	771,312,796	67,224,481	198,401,582,319



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ VIỆT HÀ**

Địa chỉ: 254 Minh Khai - Hai Bà Trưng - Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**Phụ lục số 03: Thuyết minh chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính**

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu năm
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	
<b>a&gt; Vay ngắn hạn</b>					
1> Vay ngắn hạn					
Ngân hàng TMCP Công thương	39,304,486,525	39,304,486,525	43,304,486,525	30,715,607,808	26,715,607,808
- Chi nhánh Nam Thăng Long (i)					
Công ty CP Bia và NGK Việt Hà (ii)	7,500,000,000	7,500,000,000			7,500,000,000
2> Vay dài hạn đến hạn trả					
Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Hoàng Mai	-	-		199,500,000	199,500,000
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Nam Thăng Long	-	-		2,000,000,000	2,000,000,000
<b>Cộng</b>	<b>46,804,486,525</b>	<b>46,804,486,525</b>	<b>43,304,486,525</b>	<b>32,915,107,808</b>	<b>36,415,107,808</b>
<b>b&gt; Vay dài hạn</b>					
1> Vay dài hạn					
Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1,088,625,350	1,088,625,350			1,088,625,350
<b>Cộng</b>	<b>1,088,625,350</b>	<b>1,088,625,350</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1,088,625,350</b>

**Ghi chú:**

(i) Hoàn vay của Công ty Cổ phần Tràng An với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 88/2018/HĐCVHM/NHCT140-TRANG AN ngày 15/05/2018 với hạn mức vay là 40.000.000.000 VND từ ngày 15/05/2018 đến ngày 15/05/2019, thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ, nhưng không quá 06 tháng. Mục đích cho vay để sử dụng vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các loại bánh, kẹo, ... lãi suất thay đổi theo giấy nhận nợ, điều chỉnh một tháng một lần. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản gắn liền trên đất nhà máy lô 6 KCN Thạch Thất, Quốc Oai.

(ii) Khoản Công ty Cổ phần Rượu Quốc Tế được hỗ trợ vốn từ Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà theo các Hợp đồng hỗ trợ vốn số 01/HĐHT-CPVN ngày 07/10/2011, Hợp đồng số 02/HĐHT-CPVH ngày 30/11/2011, Hợp đồng số 03/HĐHT-CPVH ngày 12/12/2011, Hợp đồng số 04/HĐHT-CPVH ngày 27/12/2011. Theo biên bản thỏa thuận, Công ty cần thanh toán tiền hỗ trợ vốn và phí hỗ trợ vốn tính đến ngày 31/12/2018 cho Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà tổng số tiền là 11.333.250.000 VND bao gồm 7.500.000.000 VND tiền hỗ trợ gốc và phí hỗ trợ là 3.833.250.000 VND

Phụ lục số 04: Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	769,000,000,000	659,046			20,109,849,436 (286,539,895)	99,229,188,732	888,339,697,214 (286,539,895)
Hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu					(71,560,890,848)	(5,462,319,456)	(77,023,210,304)
Lãi/Lỗ trong kỳ				854,394,231	(1,645,250,979)	(745,175,499)	(1,536,032,247)
Phân phối lợi nhuận						(3,857,970,000)	(3,857,970,000)
Trả cổ tức							
<b>Số dư cuối năm trước</b>	769,000,000,000	659,046	0	854,394,231	(53,382,832,286)	89,163,723,777	805,635,944,768 (1,682,374,072)
Hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu					(1,682,374,072)	(1,858,536,013)	6,098,454,682
Lãi/Lỗ trong năm					7,956,990,695	(336,120,519)	(685,960,243)
Phân phối lợi nhuận					(349,839,724)	(3,087,000,000)	(3,087,000,000)
Trả cổ tức					0		
<b>Số dư cuối kỳ</b>	769,000,000,000	659,046	0	854,394,231	(47,458,055,387)	83,882,067,245	806,279,065,135

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ VIỆT HÀ**

Địa chỉ: 254 Minh Khai - Hai Bà Trưng - Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**Phụ lục số 05: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Giá trị ghi sổ			
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	82,154,870,937		69,992,032,641	
Đầu tư tài chính ngắn hạn	312,000,000,000		337,400,000,000	
Phải thu khách hàng và phải thu khác	77,275,118,565	(14,011,618,356)	95,923,446,421	(14,011,618,356)
Phải thu nội bộ	759,544,693		759,203,551	
Phải thu về cho vay	18,510,263,115		10,341,206,194	
Đầu tư tài chính dài hạn	215,363,870,952	(37,807,600)	211,956,635,235	(37,807,600)
<b>Tổng cộng</b>	<b>706,063,668,262</b>	<b>(14,049,425,956)</b>	<b>726,372,524,042</b>	<b>(14,049,425,956)</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	118,860,881,275		141,855,525,116	
Vay và nợ ngắn hạn	46,804,486,525		36,415,107,808	
Chi phí phải trả	17,966,313,735		19,416,357,881	
Phải trả nội bộ	8,690,623,277		8,612,980,534	
Vay và nợ dài hạn	1,088,625,350		1,088,625,350	
<b>Tổng cộng</b>	<b>193,410,930,162</b>	<b>-</b>	<b>207,388,596,689</b>	<b>-</b>

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bảo gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

